

Trẻ em và sự tham gia lao động đóng góp thu nhập cho gia đình

Trần Quý Long

Viện Gia đình và Giới

Tóm tắt: Dựa trên số liệu Điều tra Gia đình Việt Nam năm 2006, nghiên cứu này tập trung xem xét thực tế mức độ tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh tạo thu nhập cho gia đình của trẻ em Việt Nam và những yếu tố có thể ảnh hưởng đến sự tham gia đó. Kết quả cho thấy có tới gần một nửa số trẻ em trong độ tuổi 7-17 tham gia lao động đóng góp thu nhập cho gia đình (41%) Trẻ em có thể đóng góp tích cực kinh tế cho gia đình bằng các công việc trong và ngoài gia đình đang là một thực tế. Với việc sử dụng kỹ thuật phân tích đa biến bằng mô hình hồi quy Logistic đưa đến một số kết quả như sau: không có sự khác biệt giữa trẻ em nam và nữ trong việc tham gia lao động nhưng các biến số nhân khẩu xã hội khác như tuổi, học vấn, thành phần dân tộc và tình trạng đi học của trẻ em lại có sự tác động rõ rệt. Học vấn và nghề nghiệp của bố mẹ là những biến giải thích khá quan trọng, bố mẹ của nhóm trẻ em có học vấn thấp hơn và làm nông nghiệp thì khả năng trẻ em phải tham gia lao động cao hơn. Mức sống của gia đình có ảnh hưởng rõ rệt, trẻ em trong những gia đình có mức sống cao hơn ít phải tham gia lao động hơn. Tác động của các yếu tố kinh tế - xã hội như nơi cư trú thành thị hay nông thôn và vùng địa lý cũng có ảnh hưởng đến khả năng tham gia lao động của trẻ em.

Từ khóa: Trẻ em; Lao động trẻ em.

1. Đặt vấn đề

Từ khi đất nước bước vào cơ chế thị trường với nhiều thành phần kinh tế đã hình thành nên một tỷ lệ công ăn việc làm tự tạo trong gia đình, sức lao động bao gồm sức lao động của trẻ em đã trở thành một loại hàng hoá có giá trị cụ thể về mặt kinh tế (Joachim Theis và Hoàng Thị Huyền, 1997). Cùng với sự biến đổi kinh tế-xã hội và chuyển đổi cơ cấu ngành nghề, vai trò kinh tế của trẻ em trong gia đình cũng biến đổi theo. Lao động trẻ em ngày càng trở nên hữu hình hơn trong cơ cấu phân công lao động gia đình khi nó góp phần trực tiếp làm tăng thu nhập hộ gia đình (Nguyễn Thị Vân Anh và Vân Anh, 1998). Với mức sống chưa cao và thu nhập thấp như hiện nay, sự tham gia của trẻ em vào các hoạt động kinh tế trong và ngoài gia đình là một đòi hỏi cấp thiết (Đặng Nguyên Anh và cộng sự, 1999). Trẻ em ở Việt Nam có trách nhiệm trong hộ gia đình vừa như một lực lượng lao động vừa là một nguồn cung cấp lao động trực tiếp trong các hoạt động kinh doanh, lao động nông nghiệp của hộ gia đình và làm thuê (Amy Liu và Yuk Chu, 1997). Phần lớn trẻ em làm các công việc giản đơn, tham gia lao động ở mức độ tiền công thấp, không có trình độ chuyên môn hay kỹ năng nghề nghiệp (MOLISA, 2008).

Tuy nhiên, thông qua quá trình lao động, trẻ em sẽ học hỏi được những kỹ năng và những giá trị chuẩn mực theo nền văn hoá địa phương, đồng thời các em cũng sẽ hình thành và phát triển những hành vi ứng xử tương ứng với vai trò mà các em đang thực hiện (Đặng Bích Thủy, 2006). Trẻ em Việt Nam làm việc để giúp cha mẹ bằng cách chia sẻ công việc hoặc trực tiếp đóng góp về tài chính và có thể xem như là một cách để xây dựng lòng tin và tự trọng cho tương lai (UNICEF, 1994). Lao động trở thành điều “tự nhiên” đối với bản thân trẻ em, cha mẹ và những người khác. Lao động từ lâu đã trở thành một chuẩn mực đạo đức để đánh giá hành vi, nhân cách của trẻ em (Nguyễn Thị Vân Anh và Vân Anh, 1998). Các em được coi là một phần trong lực lượng lao động và làm việc là một trong những nghĩa vụ của các em đối với gia đình và cộng đồng. Đây cũng là một cách để các em có thể học được cách làm những công việc mà khi các em lớn các em phải đảm đương... (Joachim Theis và Hoàng Thị Huyền, 1997).

Bộ Luật lao động sửa đổi năm 2002 của Việt Nam xác định độ tuổi lao động tối thiểu là 15, trẻ em từ 15-dưới 18 tuổi được quyền tham gia lao động giản đơn, nhưng kèm theo đó có nhiều quy định chặt chẽ để ngăn chặn tình trạng bóc lột sức lao động trẻ em, như: không bắt buộc trẻ em làm quá 7 giờ/ngày, 42 giờ/tuần, không phải là công việc nặng nhọc, độc hại. Theo đánh giá của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, lao động trẻ em chỉ tồn tại trong khu vực kinh tế gia đình, ở những nơi pháp luật lao động không phát huy hiệu lực. Nhiều cuộc khảo sát cấp quốc gia cho thấy,

gần 16% trẻ em trong độ tuổi 5-14 tham gia lao động, khoảng 13% tham gia vào các hoạt động kinh tế hộ gia đình (TCTK, 2006). Trong khi đó theo số liệu từ Khảo sát mức sống hộ gia đình Việt Nam (VHLSS) năm 2006 thì tỷ lệ này là 9% đối với trẻ em trong độ tuổi 6-15. Sự khác nhau giữa các tỷ lệ trẻ em lao động theo các số liệu có thể là do thiết kế câu hỏi. Điều tra VHLSS chỉ đề cập đến công việc ngoài gia đình là làm công ăn lương, đối với Điều tra đánh giá các mục tiêu trẻ em và phụ nữ Việt Nam 2006 (MICS3) bao gồm cả các công việc không được trả công (MOLISA, 2008).

Trẻ em tham gia lao động là một lĩnh vực nghiên cứu có tầm quan trọng, chỉ tiêu về lao động trẻ em phản ánh tình trạng trẻ em đi làm thuê hoặc làm việc cho gia đình hoặc tự làm thuê. Khác với các khảo sát gần đây là tìm hiểu tỷ lệ trẻ em tham gia lao động (có thể lao động đóng góp kinh tế và lao động nội trợ trong gia đình) phân bố trong những điều kiện cụ thể như vùng địa lý, mức sống, nơi cư trú, học vấn... Nghiên cứu này sử dụng số liệu Điều tra gia đình Việt Nam 2006 nhằm trả lời cho câu hỏi: những yếu tố nào ảnh hưởng đến sự tham gia lao động đóng góp thu nhập cho gia đình của trẻ em trong độ tuổi 7-17?

2. Điểm luận

Những đặc điểm nhân khẩu học như giới tính, tuổi có tầm quan trọng trong việc giải thích số lượng thời gian trẻ em sử dụng ở các hoạt động khác nhau, trong đó có tham gia lao động cho gia đình. Theo cách phân công lao động truyền thống thì con gái có trách nhiệm nhiều hơn trong các công việc nội trợ nhưng thời gian lao động ở các hoạt động khác ít hơn con trai. Tầm quan trọng của biến số tuổi, phản ánh khả năng tham gia lao động của trẻ em, nhìn chung một đứa trẻ càng lớn thì càng sử dụng nhiều thời gian trong lao động (Amy Liu và Yuk Chu, 1997; TCTK, 2006). Kết quả các cuộc điều tra mức sống dân cư cho thấy, trẻ em Việt Nam bắt đầu tham gia các hoạt động kinh tế từ nhỏ. Nhóm trẻ em ở độ tuổi 15-17 có tỷ lệ tham gia hoạt động kinh tế cao nhất (44,7%), sau đó là độ tuổi 11-14 (16,4%), rồi đến 1,2% nhóm trẻ em ở độ tuổi 6-10 (GSO, 2006).

Do đời sống kinh tế quá thấp, nhu cầu lao động trong gia đình rất lớn nên trẻ em người dân tộc có xu hướng tham gia công việc gia đình rất sớm. Ngoài giờ học ở trường, các em phải dành nhiều thời gian giúp đỡ gia đình. Sự phân công lao động mang tính tự nhiên, phù hợp với giới tính và lứa tuổi. Các em đành lòng tự nguyện lao động, trong một hoàn cảnh không cho phép có sự lựa chọn nào khác, để thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ đối với gia đình. Các em càng lớn tuổi càng tham gia vào công việc gia đình nhiều hơn. Những công việc này chiếm khá nhiều thời gian và tiêu hao nhiều năng lượng của trẻ (Lâm Bá Nam và cộng sự, 2001). Báo cáo phát

triển Việt Nam (2004) trích dẫn số liệu Khảo sát mức sống hộ gia đình năm 2002 do Ủy ban dân số, gia đình và trẻ em và Tổng cục Thống kê tiến hành cho thấy, 13,5% trẻ từ độ tuổi 10 đến 16 tuổi làm việc trên đồng ruộng của gia đình nhưng tỷ lệ này ở trẻ em dân tộc thiểu số cao hơn nhiều (33,5%). Số liệu khảo sát MICS3 cho thấy, 28,4% trẻ em người dân tộc tham gia lao động so với 13,3% trẻ em người Kinh (TCTK, 2006). Trẻ em dân tộc thiểu số phải làm việc nhiều hơn 1,589 giờ so với trẻ em dân tộc Kinh (Amy Liu và Yuk Chu, 1997).

Học vấn của bố mẹ không có ảnh hưởng nhiều, nhưng nghề nghiệp của bố mẹ lại có ảnh hưởng mạnh để sử dụng thời gian của trẻ em trong lĩnh vực lao động. Những đứa trẻ có bố mẹ làm nông nghiệp có xu hướng làm việc nhiều hơn so với những đứa trẻ mà nghề nghiệp của bố mẹ chúng là phi nông nghiệp với thời gian 2,7 giờ (Amy Liu và Yuk Chu, 1997).

Mức sống có ảnh hưởng đến khả năng tham gia lao động của trẻ em, những hộ gia đình nghèo cần trẻ em làm việc để phát sinh thu nhập, do đó chi phí cơ hội cho trẻ em đến trường thấp hơn những hộ gia đình tương đối khá giả; trẻ em hình như có nhiều thời gian đi học hơn nếu thu nhập gia đình của chúng cao hơn (Indu Bhushan và nnk, 2001). Các hộ gia đình khá giả ngày càng quan tâm nhiều hơn đến việc học hành của con cái và có xu hướng không muốn cho con mình tham gia vào lực lượng lao động cho đến khi chúng lớn hẳn (D. Haughton và nnk, 2002). Đối với rất nhiều hộ nghèo, sức lao động của trẻ có giá trị hơn nhiều so với việc để chúng tới trường. Lợi ích dài hạn của giáo dục không thể bù đắp được những tổn thất về thu nhập trong ngắn hạn (Báo cáo phát triển Việt Nam, 2004). Trong nền kinh tế thị trường, giáo dục dường như là trở nên một khoản đầu tư có giá trị nhiều hơn trong nền kinh tế kế hoạch tập trung. Hoàn toàn có khả năng xảy ra là việc các gia đình nghèo tận dụng sức lao động của con em mình, do vậy có thể bắt chúng thôi học hay cắt giảm mức độ học hành của các em. Mặc dù có một bộ phận đáng kể trẻ em thuộc các hộ giàu tham gia hoạt động kinh tế nhưng số liệu cũng chỉ ra rằng, mức chi tiêu và thu nhập càng cao thì càng có ít trẻ em phải tham gia hoạt động kinh tế (Indu Bhushan và cộng sự, 2001). Đặng Nguyên Anh (2006) cũng nhận xét rằng, thanh thiếu niên trong những gia đình kinh tế khó khăn thường phải đi làm sớm và bước vào thị trường lao động sớm hơn.

Khác nhau giữa đô thị-nông thôn có ảnh hưởng sâu sắc đến số lượng thời gian trẻ em sử dụng trong các hoạt động khác nhau. Trong gia đình nông thôn Việt Nam, trẻ em tham gia lao động khi còn rất nhỏ tuổi (Nguyễn Thị Vân Anh và Vân Anh, 1998). Trẻ em ở tất cả các vùng nông thôn Việt Nam từ trước đến nay đều làm việc để giúp đỡ gia đình. Ngược lại, trẻ em ở khu vực đô thị có xu hướng lao động ít hơn so với trẻ em nông thôn (J. Desai, 1995; TCTK, 2006; Eric V. Edmonds, 2007). Theo báo cáo

của Ngân hàng Thế giới về Việt Nam (1996), trẻ em tham gia trong các hoạt động lao động là đặc biệt phổ biến ở nông thôn, ở đó hầu như một phần ba trẻ em từ 6 đến 14 tuổi tham gia lao động (Dẫn theo Amy Liu và Yuk Chu, 1997). Amy Liu và Yuk Chu (1997) cho thấy trẻ em ở đô thị lao động ít hơn 1,304 giờ so với trẻ em ở nông thôn. Một khảo sát gần đây có kết quả tương tự, trẻ em nông thôn tham gia các hoạt động kinh tế sớm hơn và nhiều hơn trẻ em thành thị, trong khi có 20,4% trẻ em nông thôn tham gia hoạt động kinh tế thì chỉ có 7,3% trẻ em thành thị phải lao động (GSO, 2006). Theo kết quả khảo sát MIC3, tỷ lệ trẻ em 6-14 tuổi ở nông thôn tham gia lao động là 18,3%, trong khi ở thành thị là 6,6% (TCTK, 2006).

Khác biệt vùng cũng là một yếu tố quan trọng trong lĩnh vực lao động sản xuất của trẻ em, trẻ em miền Bắc làm việc nhiều hơn so với miền Nam với thời gian 6,275 giờ một tuần (Amy Liu và Yuk Chu, 1997). Trẻ em ở các vùng nghèo, đặc biệt là khu vực miền núi phía Bắc, Bắc Trung bộ, Duyên hải Nam Trung bộ phải lao động nhiều hơn các vùng khác (TCTK, 2006).

3. Số liệu, chiến lược phân tích, đặc điểm biến số

Nghiên cứu này sử dụng số liệu của cuộc Điều tra gia đình Việt Nam (ĐTGDVN) năm 2006 do Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em nay là Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã phối hợp cùng với Tổng cục Thống kê (TCTK) và Viện Gia đình và Giới thuộc Viện Khoa học Xã hội Việt Nam tiến hành. Cuộc điều tra này nằm trong khuôn khổ chương trình hợp tác quốc gia giữa Chính phủ Việt Nam và Quỹ nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF) 2006-2010. Thiết kế mẫu cuộc ĐTGDVN 2006 là một mẫu xác suất, chọn theo tầng và chùm. Các địa bàn và hộ gia đình được chọn theo phương pháp hệ thống từ Dàn mẫu chủ của Khảo sát mức sống hộ gia đình Việt Nam. Mẫu của ĐTGDVN 2006 gồm 9300 hộ đại diện chung cả nước, khu vực thành thị/nông thôn và 8 vùng (TCTK, 2008).

Trong số 9300 hộ gia đình được khảo sát, có 2670 đại diện hộ gia đình trả lời câu hỏi về sự tham gia lao động đóng góp thu nhập cho gia đình của trẻ em từ 7-14 tuổi, tương tự có 2479 hộ trả lời cho trẻ em trong độ tuổi 15-17. Tổng hợp hai mẫu này sẽ có một mẫu chung là 6199 hộ trả lời sự tham gia lao động của trẻ em từ 7-17 tuổi. Trong số 6199 hộ được phỏng vấn, 2540 hộ (41%) báo cáo là có trẻ em trong độ tuổi 7-17 tham gia lao động đóng góp thu nhập cho gia đình, không tính lao động làm thuê và những loại hình công việc khác như nội trợ, chăm sóc các thành viên khác trong gia đình.

Nghiên cứu này sẽ sử dụng kỹ thuật phân tích đa biến để tìm hiểu sự ảnh hưởng của những biến độc lập đối với biến phụ thuộc là sự tham gia

lao động của trẻ em. Kỹ thuật phân tích đa biến sẽ cho phép loại bỏ được những tác động ảo của các biến độc lập. Thủ tục chuẩn để phân tích là mô hình hồi quy Logistic, bởi vì biến phụ thuộc được xây dựng thành một biến nhị phân với giá trị bằng 1 nếu trong gia đình có trẻ em tham gia lao động đóng góp thu nhập và giá trị bằng 0 nếu ngược lại.

Dựa trên những nghiên cứu ở phần điểm luận và bổ sung thêm những yếu tố có thể ảnh hưởng, nghiên cứu này sẽ sử dụng các biến độc lập sau: Các yếu tố nhân khẩu học của trẻ em bao gồm: Giới tính, tuổi, học vấn, thành phần dân tộc; Các yếu tố gia đình: Giới tính, học vấn, nghề nghiệp của chủ hộ, mức sống gia đình; Các yếu tố kinh tế-xã hội mang tính chất vĩ mô: nơi cư trú, vùng địa lý.

Danh sách đầy đủ các biến độc lập được chỉ ra ở Bảng 1, được trình bày trong cột đầu tiên. Tỷ lệ trẻ em nam trong mẫu phân tích là 51,2% và nữ là 48,8% (không đưa vào bài viết). Số trẻ em có độ tuổi 7-10 chiếm tỷ lệ thấp nhất, 16,4%; cao hơn là nhóm 15-17 tuổi, 40% và cao nhất là nhóm 11-14 tuổi, 43,7%. Trẻ em đã học xong Trung học cơ sở (THCS) chiếm tỷ lệ nhiều nhất với 51,5%; 37,8% có học vấn Tiểu học (TH) và 10,7% có học vấn Trung học phổ thông (THPT); có 87,2% trẻ em đang đi học. Trẻ em người dân tộc Kinh chiếm 78,4% trong mẫu nghiên cứu.

Trong số 6199 người trả lời về việc con cái tham gia lao động đóng góp thu nhập cho gia đình, có 49,3% người là người bố và 50,7% là người mẹ. Do số liệu không có dữ liệu riêng rẽ về trình độ học vấn và nghề nghiệp của bố mẹ nên biến học vấn và nghề nghiệp của bố mẹ được sử dụng trong nghiên cứu này là biến chung. Trong một chừng mực nhất định học vấn và nghề nghiệp của bố và mẹ có mối tương quan với nhau và khó có thể tách riêng tác động của hai biến này. Có 32,8% bố mẹ có trình độ học vấn ở cấp TH; 45,4% ở cấp Trung học cơ sở; 15% ở cấp THPT và 6,8% có trình độ Cao đẳng Đại học. Tỷ lệ bố mẹ làm nông nghiệp là 58,9% so với 41,1% không làm nông nghiệp.

Mức sống của hộ gia đình được chia theo năm nhóm phân vị (20%) nhưng do lọc ra những gia đình có trẻ em từ 7 tuổi đến 17 tuổi nên đã có sự thay đổi về tỷ lệ giữa các nhóm mức sống khác nhau. Nơi cư trú của trẻ em trong mẫu khảo sát chủ yếu là khu vực nông thôn, 83,5%; tỷ lệ cư trú cao nhất ở khu vực miền núi phía Bắc với 21,6%, và thấp nhất ở khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

4. Nội dung nghiên cứu

Kết quả phân tích đa biến bằng thủ tục Logistic ở Bảng 1 cho thấy các biến số độc lập đưa vào mô hình đã giải thích được 35% sự biến thiên của tỷ lệ trẻ em tham gia lao động đóng góp thu nhập cho gia đình. Không có sự khác biệt giữa trẻ em trai và trẻ em gái trong việc tham gia lao động

đóng góp thu nhập cho gia đình bởi vì tác động của biến số giới tính là nam không có ý nghĩa thống kê. Biến số tuổi của trẻ em có tác động đến khả năng tham gia lao động của trẻ em, ở nhóm tuổi cao hơn trẻ em có xác suất tham gia lao động cao hơn, so với xác suất 41% ban đầu, nếu trẻ em ở trong nhóm tuổi 11-14 xác suất tham gia lao động sẽ tăng lên 74% và tiếp tục tăng lên 87% ở nhóm 15-17 tuổi ($p < 0,001$).

Học vấn cũng có ảnh hưởng đến khả năng tham gia lao động đóng góp thu nhập cho gia đình của trẻ em, so với nhóm có học vấn TH, trẻ em ở nhóm THCS và nhóm THPT có xu hướng tham gia lao động cao hơn với hệ số $\exp(B)$ lần lượt là 1,5 ($p < 0,001$) và 1,3 ($p < 0,05$). Việc giải thích kết quả này có thể là do học vấn của trẻ em cao hơn đồng nghĩa với tuổi cũng cao hơn nên khả năng các em tham gia lao động nhiều hơn.

Sự khác nhau về tộc người làm nổi bật địa vị bất lợi của trẻ em trong các nhóm dân tộc thiểu số khi so sánh với nhóm dân tộc Kinh. Xác suất trẻ em dân tộc thiểu số phải làm việc cao hơn so với trẻ em dân tộc Kinh. Khi tính đến tác động của các biến số khác, kết quả vẫn cho thấy trẻ em là người Kinh có xác suất tham gia lao động thấp hơn trẻ em người dân tộc 75% ($p < 0,001$). Một phân tích của UNICEF (1994) cho thấy, do dân cư sống rải rác và ít trường học nên các gia đình và trẻ em cảm thấy làm việc nhà và tại đồng ruộng còn dễ chịu hơn là đi học.

Trẻ em đang đi học tham gia lao động với hệ số rất thấp ($\exp(B) = 0,20$, $p < 0,001$), nếu một trẻ em đang đi học thì xác suất tham gia lao động chỉ bằng 12% so với trẻ em không đi học. Có thể việc đi học đem lại cho trẻ em một loạt hoạt động và vai trò mới chiếm nhiều thời gian dẫn đến việc các em sẽ tham gia lao động ít hơn. Indu Bhushan và những người khác (2001) dựa trên khảo sát mức sống dân cư cho thấy, với mọi trẻ em, khối lượng công việc mỗi tuần giảm đi theo thời gian từ 1992-1993 đến 1997-1998 và lý do có thể là học sinh đã dành nhiều thời gian cho bài vở hơn.

Tác động của học vấn bố mẹ cũng rõ ràng và nhất quán nhưng chỉ ở mức độ vừa phải ($p < 0,05$), những bố mẹ hoàn thành thêm một cấp học xác suất tham gia lao động của con cái giảm xuống. Nghề nghiệp của bố mẹ có ảnh hưởng rõ nét hơn ($p < 0,001$), khi trẻ em có các điều kiện giống nhau về giới tính, tuổi, học vấn, dân tộc, cùng mức sống và cư trú ở một vùng... nhưng nếu trong gia đình có bố hoặc mẹ làm nông nghiệp thì trẻ em có xác suất tham gia lao động tăng lên 50% so với trẻ em trong gia đình có bố mẹ không làm nông nghiệp.

Mức sống của gia đình có ảnh hưởng rất rõ nét đến sự tham gia lao động của trẻ em, sự ảnh hưởng này được khẳng định bằng ý nghĩa thống kê ($p < 0,001$). Những gia đình có mức sống cao hơn mức nghèo nhất thì

Bảng 1. Mô hình hồi quy Logistic về tác động của các yếu tố đối với sự tham gia lao động đóng góp thu nhập cho gia đình của trẻ em.

Biến số	N	Hệ số	Hệ số Exp(B)	Xác suất ước tính trẻ em tham gia lao động khi biến số độc lập thay đổi một đơn vị, và xác suất ban đầu là 0.41
Giới tính trẻ em				
Nam (có=1)	3171	-.026	.974	0.40
Tuổi trẻ em				
7-10 (ref.)	1014		1	0.00
11-14	2706	1.355	3.876***	0.73
15-17	2479	2.276	9.740***	0.87
Học vấn trẻ em				
Tiểu học (ref.)	2341		1	0.00
THCS	3190	.085	1.567***	0.52
THPT	666	.131	1.363**	0.49
Dân tộc trẻ em				
Kinh + Hoa (có=1)	4862	-.738	.478***	0.25
Trẻ em đang đi học (có=1)	5403	-1.588	.204***	0.12
Học vấn bố mẹ				
Tiểu học	2033		1	0.00
THCS	2812	-.027	.973	0.40
THPT	931	-.242	.785*	0.35
Cao đẳng, đại học	423	-.371	.690*	0.32
Nghề nghiệp bố mẹ				
Nông nghiệp (có=1)	3654	.352	1.422***	0.50
Mức sống				
Nghèo nhất (ref.)	1613		1	0.00
Cận nghèo	1426	-.105	.900	0.38
Trung bình	1254	-.215	.807*	0.36
Khá	1066	-.489	.614***	0.30
Giàu	840	-.686	.503***	0.26
Khu vực cư trú				
Nông thôn (có=1)	4980	.514	1.672***	0.54
Vùng				
Đồng bằng sông Hồng (ref.)	1063		1	0.00
Miền núi phía bắc	1342	-.177	.838	0.37
Bắc Trung Bộ	762	-.187	.830	0.37
Duyên hải Nam trung bộ	611	.044	1.045	0.42
Tây Nguyên	537	-.191	.826	0.36
Đông Nam Bộ	732	-.460	.631***	0.30
Đồng bằng sông Cửu Long	1152	-.871	.418***	0.23
Hằng số		.668	1.950***	0.58

N=6199. R Square=.350. Mức ý nghĩa: *p<0.05; **p<0,01; ***p<0,001

Ref.: Nhóm so sánh

xác suất trẻ em lao động thấp hơn và xác suất này có xu hướng giảm dần. Cụ thể, so với nhóm nghèo nhất, hệ số trẻ em tham gia lao động của nhóm cận nghèo là 0,9 và giảm xuống còn 0,3 ở nhóm giàu nhất. Kết quả này cũng tương tự với nhận xét của Indu Bhushan và những người khác (2001), trong nhóm chi tiêu năm (nhóm giàu nhất), dường như giờ đây trẻ em ít tham gia vào lực lượng lao động và những trẻ em này dành toàn bộ thời gian để học. Trẻ em trong nhóm chi tiêu nghèo dường như hay phải lao động hơn kể cả khi còn đang tiếp tục học.

Trẻ em ở nông thôn phải tham gia lao động đóng góp thu nhập cho gia đình nhiều hơn trẻ em thành thị khi đã kiểm soát tác động của các biến số khác ($\exp(B)=1,7$, $p<0,001$). Nói cách khác, nếu một trẻ em chuyển đến sống ở khu vực nông thôn thì xác suất tham gia lao động sẽ tăng lên 54% so với xác suất 41% ban đầu. Theo J. Desai (1995), nông nghiệp là nền tảng hình thành cơ sở kinh tế của khu vực nông thôn, và trong lúc thời vụ, ngay cả trẻ nhỏ cũng được huy động trong những công việc đòi hỏi ít sức lực ở bên ngoài gia đình. Một bài viết khác cũng đưa ra lập luận cho rằng với 75% dân số là nông thôn thì việc thu hút lao động trẻ em vào các công việc đồng áng, ruộng vườn đã mang tính phổ biến, nhất là vào thời gian các em nghỉ hè (Bùi Ngọc Thanh, 2008); những nhận xét đó cũng thống nhất với tình hình ở các nước đang phát triển khác (Eric V. Edmonds, 2007).

Biến số vùng địa lý có tác động đến việc trẻ em tham gia lao động cho gia đình hay không. Những vùng có trẻ em tham gia lao động tương đương nhau là Đồng bằng sông Hồng, Miền núi phía bắc, Bắc Trung bộ, Duyên hải Nam trung bộ và Tây Nguyên vì hệ số chênh lệch của những vùng này gần tương đương với nhau. Điều đó cho thấy, ở những vùng có điều kiện khó khăn, nghèo nàn thì trẻ em phải tham gia lao động nhiều hơn. Trẻ em ở hai vùng còn lại có xác suất tham gia lao động thấp hơn so với Đồng bằng sông Hồng ($p<0,001$), từ xác suất 41% ban đầu nếu trẻ em cư trú ở vùng Đông Nam bộ sẽ giảm xuống 30% và giảm xuống còn 23% nếu cư trú ở Đồng bằng sông Cửu Long.

4. Thảo luận

Mục đích của nghiên cứu này là đo thực tế mức độ tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh tạo thu nhập cho gia đình của trẻ em Việt Nam và những yếu tố có thể ảnh hưởng đến sự tham gia đó. Phân tích đa biến bằng mô hình hồi quy Logistic cho thấy một số ảnh hưởng quen thuộc của các yếu tố đối với tỷ lệ trẻ em tham gia lao động đóng góp thu nhập cho gia đình như các hình thái lao động khác của trẻ em (làm thuê, làm các việc vặt trong gia đình).

Giới tính không có ảnh hưởng đến khả năng tham gia lao động đóng

góp thu nhập cho gia đình của trẻ em. Điều này cho thấy trong tất cả các loại hình công việc đều có sự tham gia của trẻ em trai và trẻ em gái. Cũng có thể, quy mô hộ gia đình ở Việt Nam ngày càng thu hẹp hơn, do đó trẻ em phải tham gia lao động cho gia đình dù bất luận giới tính là gì.

Nhìn chung, tuổi của trẻ em càng cao thì xác suất phải tham gia lao động đóng góp thu nhập cho gia đình cao hơn. Học vấn cũng có tác động tương tự, trẻ em ở nhóm học vấn cao hơn có xác suất tham gia lao động cao hơn, điều này một mặt phản ánh sự trưởng thành về mặt sinh học, thể chất, mặt khác phản ánh khía cạnh trưởng thành về văn hóa, nhân cách của trẻ em.

Xét riêng những trẻ em đang đi học, nhóm này có xác suất tham gia lao động rất thấp. Thực tế này cho thấy, mặc dù chi phí cơ hội bị mất do trẻ em không làm việc mà đi học nhưng gia đình và bản thân các em vẫn nhận thức được giáo dục là một sự đầu tư có hiệu quả, là một phương thức giảm nghèo vì thế đã tích cực đầu tư vào nguồn vốn nhân lực của trẻ em. Ngoài ra, các nguyện vọng mong muốn con cái có học vấn cao hơn được đan xen với các hy vọng về sự di động xã hội đi lên để có một cuộc sống ổn định hơn có vẻ là một sự giải thích cho việc trẻ em đang đi học ít tham gia lao động.

Kiểm nghiệm về tác động của yếu tố dân tộc đối với sự tham gia lao động của trẻ em được khẳng định, trẻ em người dân tộc thiểu số có xu hướng lao động đóng góp thu nhập cho gia đình cao hơn trẻ em người Kinh. Kết quả này một lần nữa cho thấy sự bất lợi của trẻ em ở gia đình người dân tộc thiểu số thường gặp những khó khăn về kinh tế và bị dồn đẩy vào sự tham gia lao động sớm hơn.

Chúng ta đã thấy rằng học vấn và nghề nghiệp của bố mẹ nói chung là những biến giải thích quan trọng. Khi bố mẹ có trình độ học vấn cao hơn, con cái có xác suất tham gia lao động giảm. Bố mẹ làm nông nghiệp thì trẻ em có xu hướng tham gia lao động cao hơn nhóm bố mẹ không làm nông nghiệp. Điều này có thể là do trong sản xuất nông nghiệp, ngoài tư liệu sản xuất chủ yếu là đất đai ra còn có sức lao động của con người. Để học được những kỹ năng liên quan đến sản xuất nông nghiệp không đòi hỏi sự đào tạo chính thức, mà chỉ cần sự quan sát và thực hành. Do đó trẻ em có thể bắt đầu tham gia sản xuất nông nghiệp khi ở lứa tuổi còn rất sớm.

Kiểm định về mức sống đối với khả năng tham gia lao động của trẻ em tỏ ra tương đối mạnh, những gia đình có mức sống cao hơn thì xác suất trẻ em phải lao động thấp hơn. Mặc dù thực tế có một bộ phận trẻ em thuộc các hộ khá giàu tham gia hoạt động kinh tế nhưng số liệu phân tích chỉ ra rằng, mức sống càng cao càng ít có trẻ em phải tham gia lao động đóng góp thu nhập cho gia đình.

Khác biệt giữa thành thị và nông thôn cũng được khẳng định qua phân tích số liệu DTGĐVN 2006, trẻ em cư trú ở thành thị có xu hướng ít phải tham gia lao động đóng góp thu nhập cho gia đình ít hơn trẻ em ở khu vực nông thôn. Điều này hàm ý rằng trẻ em ở khu vực thành thị thường được yêu cầu tập trung cho việc học tập hơn, mặt khác nó thể hiện sự sẵn có việc làm ở khu vực nông thôn hơn. Kinh tế hộ gia đình đã tồn tại từ rất lâu ở nông thôn Việt Nam. Trước đây chức năng sản xuất của gia đình chỉ thuần túy là sản xuất nhỏ lẻ mang bản chất của tự cung tự cấp là chính. Ngày nay với việc phát triển của kinh tế thị trường, việc sản xuất ở hộ gia đình không còn mang tính tự cung tự cấp mà sản xuất nhằm hướng đến thị trường do đó nó yêu cầu một lực lượng đông đảo người lao động tham gia, trong đó có trẻ em.

Cũng có những chênh lệch có ý nghĩa thống kê, mặc dù không đồng nhất trong xác suất trẻ em tham gia lao động đóng góp thu nhập cho gia đình giữa các vùng địa lý. Đồng bằng sông Hồng và những vùng khác được ghi nhận là nơi có trẻ em tham gia lao động cao hơn hai vùng Đông Nam bộ và Đồng bằng sông Cửu Long. Đồng bằng sông Hồng, là nơi tập trung sản xuất nông nghiệp và nhiều ngành nghề thủ công nên có khả năng thu hút nhiều trẻ em tham gia. Các vùng khác, do điều kiện kinh tế khó khăn hơn nên trẻ em phải tham gia lao động tìm kiếm thu nhập cùng với gia đình.

Điều quan trọng cần phải được thừa nhận rằng, ở một nước như Việt Nam rõ ràng là tất cả các thành viên của hộ gia đình trong khả năng có thể đều đóng góp công sức nào đó cho hoạt động kinh tế gia đình, do đó tham gia lao động đóng góp thu nhập cho gia đình của trẻ em là một thực tế không thể phủ nhận. Đây là chuẩn mực của lòng hiếu thảo, là một phương thức gia tăng giá trị nhân cách, phản ánh sức mạnh của truyền thống đã bắt rễ sâu xa trong một nền văn hoá phương Đông. Bên cạnh đó, nó cũng thể hiện là một nhân tố kinh tế, gia đình hay bố mẹ trông đợi và có quyền được trợ giúp, chia sẻ từ con cái. Nhưng khi trẻ em làm việc quá nhiều giờ và trước tuổi trưởng thành sẽ làm giảm sức khoẻ và cản trở sự phát triển các kỹ năng xã hội của trẻ em, làm giảm năng lực kiếm sống khi trưởng thành và kéo dài mãi vòng luẩn quẩn của sự đói nghèo. Nếu làm những công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, hay khi công việc trùng với giờ chơi và giờ học thì loại hình này có thể được phân loại như một hình thức bóc lột (UNICEF, 1994). Do đó điều cần thiết là gia đình và bản thân trẻ em phải điều tiết một cách hài hoà, tránh xung đột giữa những vai trò và quyền lợi khác nhau của trẻ em, đặc biệt là cần phải nâng cao vị thế của trẻ em ở những nhóm yếu thế. ■

Tài liệu tham khảo

- Amy Liu và Yuk Chu. 1997. “Mô hình sử dụng thời gian của trẻ em Việt Nam”. *Tạp chí Xã hội học*, số 2.
- Báo cáo phát triển Việt Nam. 2004. *Nghèo*. Báo cáo chung của các nhà tài trợ. Hà Nội: Trung tâm thông tin phát triển Việt Nam.
- Bùi Ngọc Thanh. 2008. “Lao động trẻ em”. *Tạp chí Cộng sản*, số 10.
- D. Haughton và nnk (biên tập). 2002. *Mức sống trong thời kỳ bùng nổ kinh tế Việt Nam*. UNDP và Nxb. Thống kê. Hà Nội.
- Đặng Bích Thuỷ. 2006. “Xã hội hoá trẻ em ở nông thôn miền núi thông qua lao động trong gia đình”. *Tạp chí Xã hội học*, số 1.
- Đặng Nguyên Anh. 2006. Tình hình lao động và việc làm của thanh niên Việt Nam. Báo cáo chuyên đề. Bộ Y tế, UN, và Sida. Hà Nội.
- Đặng Nguyên Anh và cộng sự. 1999. Vị thành niên và biến đổi xã hội. Báo cáo nghiên cứu. Viện Xã hội học. Hà Nội.
- Eric V. Edmonds. 2007. *Child Labor. Department of Economics at Dartmouth College*. Holland: Institute for the Study of Labor.
- GSO. 2006. *Kết quả điều tra mức sống hộ gia đình Việt Nam năm 2006*. Nxb. Thống kê. Hà Nội.
- Indu Bhushan và NNK. 2001. *Vốn nhân lực của người nghèo ở Việt Nam - Tình hình và các lựa chọn về chính sách*. Nhà xuất bản Lao động-Xã hội. Hà Nội.
- J. Desai. 1995. *Vietnam through the lens of gender*. UNDP.
- Joachim Theis và Hoàng Thị Huyền. 1997. *Từ việc nhà đến khai thác vàng*. Save the Children.
- Lâm Bá Nam. 2001. *Trẻ em và gia đình các dân tộc thiểu số ở Việt Nam-Thực trạng và nhu cầu trợ giúp*. Nghiên cứu trường hợp 10 nhóm dân tộc thiểu số. DRCC, CEMMA và UNICEF.
- MOLISA. 2008. *Trẻ em nghèo ở Việt Nam sống ở đâu: ứng dụng và phát triển phương pháp tiếp cận đa chiều về trẻ em nghèo*. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Đại học Maastricht, UNICEF. Hà Nội.
- Nguyễn Thị Vân Anh và Vân Anh. 1998. “Sự thay đổi cơ cấu ngành nghề và việc chăm sóc, giáo dục trẻ em: khảo sát tại một xã ven đô”. *Tạp chí Xã hội học*, số 4.
- Tổng cục Thống kê (TCTK). 2006. *Điều tra đánh giá các mục tiêu trẻ em và phụ nữ Việt Nam 2006 (MICS3)*. Nxb. Thống kê. Hà Nội.
- Tổng cục Thống kê (TCTK). 2008. *Kết quả điều tra gia đình năm 2006*. Nxb. Thống kê. Hà Nội.
- UNICEF. 1994. *Phân tích tình hình phụ nữ và trẻ em*. UNICEF Việt Nam. Hà Nội.